

Số: /QĐ-SYT

Ninh Bình, ngày tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động do giảm bớt danh mục kỹ thuật
đối với Bệnh viện Mắt tỉnh Ninh Bình**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật khám, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-SYT ngày 01/7/2025 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-SYT ngày 17/7/2025 của Giám đốc Sở Y tế Ninh Bình về việc thành lập Đoàn thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép hoạt động tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Khám, chữa bệnh, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giấy phép hoạt động do giảm bớt 503 (năm trăm linh ba) danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh đối với Bệnh viện Mắt tỉnh Ninh Bình (*Danh mục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành. Bệnh viện Mắt tỉnh Ninh Bình phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật được Sở Y tế Ninh Bình phê duyệt và theo đúng quy định của pháp luật có liên quan về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Khám, chữa bệnh, Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Mắt tỉnh Ninh Bình và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Lưu VT, QLKCB.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Ngọc Minh

**DANH MỤC KỸ THUẬT GIẢM BỚT TẠI
BỆNH VIỆN MẮT TỈNH NINH BÌNH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-SYT ngày/7/2025 của
Giám đốc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình)

STT	STT theo TT 43/2013/TT-BYT	Tên kỹ thuật theo TT43/2013/TT-BYT	Quyết định đã phê duyệt	Mã kỹ thuật theo TT 23/2024/TT-BYT	Tên kỹ thuật theo TT 23/2024/TT-BYT
1	STT 1 Chương I	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	1.1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường
2	STT 2 Chương I	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	1.2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
3	STT 3 Chương I	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	1.3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục
4	STT 28 Chương I	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	1.28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường
5	STT 35 Chương I	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	1.35	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc
6	STT 57 Chương I	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	1.57	Thở oxy qua gọng kính
7	STT 85 Chương I	Vận động trị liệu hô hấp	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	1.85	Vận động trị liệu hô hấp
8	STT 144 Chương I	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	1.144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển
9	STT 160 Chương I	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	1.160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang

10	STT 215 Chương I	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
11	STT 216 Chương I	Đặt ống thông dạ dày	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.216	Đặt ống thông dạ dày
12	STT 218 Chương I	Rửa dạ dày cấp cứu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.218	Rửa dạ dày cấp cứu
13	STT 221 Chương I	Thụt tháo	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.221	Thụt tháo
14	STT 224 Chương I	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
15	STT 225 Chương I	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)
16	STT 229 Chương I	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
17	STT 245 Chương I	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử
18	STT 247 Chương I	Hạ thân nhiệt chỉ huy	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.247	Hạ thân nhiệt chỉ huy
19	STT 248 Chương I	Nâng thân nhiệt chỉ huy	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.248	Nâng thân nhiệt chỉ huy
20	STT 249 Chương I	Giải stress cho người bệnh	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.249	Giải stress cho người bệnh

21	STT 250 Chương I	Kiểm soát đau trong cấp cứu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.250	Kiểm soát đau trong cấp cứu
22	STT 60 Chương I	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)
23	STT 59 Chương I	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)
24	STT 60 Chương I	Gội đầu cho người bệnh tại giường	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.262	Gội đầu cho người bệnh tại giường
25	STT 264 Chương I	Tắm cho người bệnh tại giường	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.264	Tắm cho người bệnh tại giường
26	STT 266 Chương I	Xoa bóp phòng chống loét	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.266	Xoa bóp phòng chống loét
27	STT 267 Chương I	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)
28	STT 269 Chương I	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.269	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn
29	STT 276 Chương I	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
30	STT 277 Chương I	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
31	STT 279 Chương I	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	1.279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng

32	STT 283 Chương I	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	1.283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm
33	STT 284 Chương I	Định nhóm máu tại giường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	1.284	Định nhóm máu tại giường
34	STT 150 Chương II	Hút đờm hầu họng	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	2.150	Hút đờm hầu họng
35	STT 151 Chương II	Lấy máu tĩnh mạch bệnh	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	2.151	Lấy máu tĩnh mạch bệnh
36	STT 188 Chương II	Đặt sonde bàng quang	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	2.188	Đặt sonde bàng quang
37	STT 244 Chương II	Đặt ống thông dạ dày	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	2.244	Đặt ống thông dạ dày
38	STT 313 Chương II	Rửa dạ dày cấp cứu	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	2.313	Rửa dạ dày cấp cứu
39	STT 19 chương III	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục 24 giờ	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.19	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục
40	STT 44 chương III	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.44	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
41	STT 45 chương III	Hạ huyết áp chỉ huy	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.45	Hạ huyết áp chỉ huy
42	STT 46 chương III	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.46	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường

43	STT 47 chương III	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.47	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
44	STT 105 chương III	Thổi ngạt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.105	Thổi ngạt
45	STT 106 chương III	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
46	STT 107 Chương III	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)		3.107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
47	STT 108 Chương III	Thở oxy gọng kính	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.108	Thở oxy gọng kính
48	STT 110 Chương III	Thở oxy qua mặt ná có túi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.110	Thở oxy qua mặt ná có túi
49	STT 111 Chương III	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.111	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)
50	STT 113 Chương III	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
51	STT 152 Chương III	Soi đáy mắt cấp cứu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.152	Soi đáy mắt cấp cứu
52	STT 184 Chương III	Hạ nhiệt độ chỉ huy	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.184	Hạ nhiệt độ chỉ huy
53	STT 185 Chương III	Nâng thân nhiệt chủ động	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.185	Nâng thân nhiệt chủ động

54	STT 187 Chương III	Kiểm soát đau trong cấp cứu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.187	Kiểm soát đau trong cấp cứu
55	STT 188 Chương III	Siêu âm đen trắng tại giường bệnh	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.188	Siêu âm đen trắng tại giường bệnh
56	STT 192 Chương III	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.192	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng
57	STT 194 Chương III	Tắm cho người bệnh tại giường	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.194	Tắm cho người bệnh tại giường
58	STT 196 Chương III	Gội đầu cho người bệnh tại giường	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.196	Gội đầu cho người bệnh tại giường
59	STT 198 Chương III	Vệ sinh răng miệng đặc biệt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.198	Vệ sinh răng miệng đặc biệt
60	STT 199 Chương III	Xoa bóp phòng chống loét	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.199	Xoa bóp phòng chống loét
61	STT 201 Chương III	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.201	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
62	STT 202 Chương III	Băng bó vết thương	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.202	Băng bó vết thương
63	STT 203 Chương III	Cầm máu (vết thương chảy máu)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.203	Cầm máu (vết thương chảy máu)
64	STT 204 Chương III	Vận chuyển người bệnh an toàn	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.204	Vận chuyển người bệnh an toàn

65	STT 207 Chương III	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.207	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê
66	STT 210 Chương III	Tiêm truyền thuốc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.210	Tiêm truyền thuốc
67	STT 809 Chương III	Chườm lạnh	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.809	Chườm lạnh
68	STT 813 Chương III	Xoa bóp	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.813	Xoa bóp
69	STT 861 Chương III	Phòng ngừa và xử trí loét do đè ép	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.861	Phòng ngừa và xử trí loét do đè ép
70	STT 885 Chương III	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.885	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay
71	STT 886 Chương III	Xoa bóp lưng, chân	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.886	Xoa bóp lưng, chân
72	STT 887 Chương III	Xoa bóp	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.887	Xoa bóp
73	STT 888 Chương III	Xoa bóp tại giường bệnh cho người bệnh nội trú các khoa	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.888	Xoa bóp tại giường bệnh cho người bệnh nội trú các khoa
74	STT 892 Chương III	Tập vận động đoạn chi 30 phút	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.892	Tập vận động đoạn chi 30 phút
75	STT 893 Chương III	Tập vận động đoạn chi 15 phút	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.893	Tập vận động đoạn chi 15 phút

76	STT 894 Chương III	Tập vận động toàn thân 30 phút	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.894	Tập vận động toàn thân 30 phút
77	STT 895 Chương III	Tập vận động toàn thân 15 phút	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.895	Tập vận động toàn thân 15 phút
78	STT 900 Chương III	Tập vận động tại giường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.900	Tập vận động tại giường
79	STT 1297 Chương III	Kỹ thuật gây tê cạnh nhãn cầu	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1297	Kỹ thuật gây tê cạnh nhãn cầu
80	STT 1389 Chương III	Kỹ thuật nâng thân nhiệt chỉ huy	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1389	Kỹ thuật nâng thân nhiệt chỉ huy
81	STT 1393 Chương III	Kỹ thuật theo dõi người bệnh trong và sau mổ	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1393	Kỹ thuật theo dõi người bệnh trong và sau mổ
82	STT 1395 Chương III	Kỹ thuật vô cảm ngoài phòng mổ	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1395	Kỹ thuật vô cảm ngoài phòng mổ
83	STT 1403 Chương III	Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1403	Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy
84	STT 1404 Chương III	Thử nhóm máu trước truyền máu	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1404	Thử nhóm máu trước truyền máu
85	STT 1405 Chương III	Truyền dịch thường quy	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1405	Truyền dịch thường quy
86	STT 1409 Chương III	Kỹ thuật truyền dịch trong sốc	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1409	Kỹ thuật truyền dịch trong sốc

87	STT 1410 Chương III	Kỹ thuật truyền máu trong sốc	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1410	Kỹ thuật truyền máu trong sốc
88	STT 1411 Chương III	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1411	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
89	STT 1412 Chương III	Kỹ thuật cấp cứu ngừng tim	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1412	Kỹ thuật cấp cứu ngừng tim
90	STT 1413 Chương III	Kỹ thuật cấp cứu ngừng thở	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1413	Kỹ thuật cấp cứu ngừng thở
91	STT 1448 Chương III	Giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1448	Giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương
92	STT 1449 Chương III	Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm Morphine cách quãng dưới da	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1449	Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm Morphine cách quãng dưới da
93	STT 1450 Chương III	Vệ sinh, vô trùng phòng phẫu thuật	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1450	Vệ sinh, vô trùng phòng phẫu thuật
94	STT 1451 Chương III	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1451	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS
95	STT 1454 Chương III	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1454	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
96	STT 1455 Chương III	Theo dõi HA liên tục tại giường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1455	Theo dõi HA liên tục tại giường
97	STT 1456 Chương III	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.1456	Theo dõi điện tim liên tục tại giường

98	STT 1462 Chương III	Thở oxy gọng kính	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1462	Thở oxy gọng kính
99	STT 1463 Chương III	Thở oxy qua mặt nạ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1463	Thở oxy qua mặt nạ
100	STT 1464 Chương III	Thở oxy qua ống chữ T	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1464	Thở oxy qua ống chữ T
101	STT 1467 Chương III	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1467	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật
102	STT 1470 Chương III	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1470	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)
103	STT 1509 Chương III	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông theo chỉ định	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1509	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông theo chỉ định
104	STT 1510 Chương III	Thay băng điều trị bỏng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1510	Thay băng điều trị bỏng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.
105	STT 1514 Chương III	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1514	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi
106	STT 1515 Chương III	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu.	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1515	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu.
107	STT 1516 Chương III	Thay băng điều trị vết thương mãn tính	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1516	Thay băng điều trị vết thương mãn tính

108	STT 1654 Chương III	Tập nhược thị	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1654	Tập nhược thị
109	STT 1655 Chương III	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1655	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)
110	STT 1656 Chương III	Cắt bỏ túi lệ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1656	Cắt bỏ túi lệ
111	STT 1657 Chương III	Phẫu thuật mộng đơn thuần	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1657	Phẫu thuật mộng đơn thuần
112	STT 1658 Chương III	Lấy dị vật giác mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1658	Lấy dị vật giác mạc
113	STT 1659 Chương III	Cắt bỏ chấp có bọc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1659	Cắt bỏ chấp có bọc
114	STT 1660 Chương III	Khâu cò mi, tháo cò	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1660	Khâu cò mi, tháo cò
115	STT 1661 Chương III	Chích dẫn lưu túi lệ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1661	Chích dẫn lưu túi lệ
116	STT 1662 Chương III	Phẫu thuật lác thông thường	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1662	Phẫu thuật lác thông thường
117	STT 1663 Chương III	Khâu da mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1663	Khâu da mi
118	STT 1664 Chương III	Khâu phục hồi bờ mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1664	Khâu phục hồi bờ mi

119	STT 1665 Chương III	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1665	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
120	STT 1666 Chương III	Khâu phủ kết mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1666	Khâu phủ kết mạc
121	STT 1667 Chương III	Khâu giác mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1667	Khâu giác mạc
122	STT 1668 Chương III	Khâu củng mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1668	Khâu củng mạc
123	STT 1669 Chương III	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1669	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc
124	STT 1670 Chương III	Khâu lại mép mô giác mạc, củng mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1670	Khâu lại mép mô giác mạc, củng mạc
125	STT 1671 Chương III	Lạnh đông thể mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1671	Lạnh đông thể mi
126	STT 1672 Chương III	Điện đông thể mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1672	Điện đông thể mi
127	STT 1673 Chương III	Bơm hơi tiền phòng	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1673	Bơm hơi tiền phòng
128	STT 1674 Chương III	Cắt bỏ nhãn cầu ± cắt thị thần kinh dài	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1674	Cắt bỏ nhãn cầu ± cắt thị thần kinh dài
129	STT 1675 Chương III	Mức nội nhãn	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1675	Mức nội nhãn

130	STT 1676 Chương III	Cắt thị thần kinh	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1676	Cắt thị thần kinh
131	STT 1677 Chương III	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1677	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)
132	STT 1678 Chương III	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi (Sapejko)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1678	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi (Sapejko)
133	STT 1679 Chương III	Nhuộm giác mạc thẩm mỹ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1679	Nhuộm giác mạc thẩm mỹ
134	STT 1680 Chương III	Mổ quặm bẩm sinh	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1680	Mổ quặm bẩm sinh
135	STT 1681 Chương III	Cắt chỉ khâu giác mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1681	Cắt chỉ khâu giác mạc
136	STT 1682 Chương III	Tiêm dưới kết mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1682	Tiêm dưới kết mạc
137	STT 1683 Chương III	Tiêm cạnh nhãn cầu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1683	Tiêm cạnh nhãn cầu
138	STT 1684 Chương III	Tiêm hậu nhãn cầu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1684	Tiêm hậu nhãn cầu
139	STT 1685 Chương III	Bơm thông lệ đạo	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1685	Bơm thông lệ đạo
140	STT 1686 Chương III	Lấy máu làm huyết thanh	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1686	Lấy máu làm huyết thanh

141	STT 1687 Chương III	Điện di điều trị	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1687	Điện di điều trị
142	STT 1688 Chương III	Khâu kết mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1688	Khâu kết mạc
143	STT 1689 Chương III	Lấy calci đông dưới kết mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1689	Lấy calci đông dưới kết mạc
144	STT 1690 Chương III	Cắt chỉ khâu kết mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1690	Cắt chỉ khâu kết mạc
145	STT 1691 Chương III	Đốt lông xiêu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1691	Đốt lông xiêu
146	STT 1692 Chương III	Bơm rửa lệ đạo	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1692	Bơm rửa lệ đạo
147	STT 1693 Chương III	Chích chấp, lẹo, chích áp xe mi, kết mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1693	Chích chấp, lẹo, chích áp xe mi, kết mạc
148	STT 1694 Chương III	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1694	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
149	STT 1695 Chương III	Rửa cùng đồ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1695	Rửa cùng đồ
150	STT 1696 Chương III	Bóc sợi (Viêm giác mạc sợi)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1696	Bóc sợi (Viêm giác mạc sợi)
151	STT 1697 Chương III	Bóc giả mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1697	Bóc giả mạc

152	STT 1698 Chương III	Rạch áp xe mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1698	Rạch áp xe mi
153	STT 1699 Chương III	Soi đáy mắt trực tiếp	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1699	Soi đáy mắt trực tiếp
154	STT 1700 Chương III	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1700	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương
155	STT 1701 Chương III	Soi đáy mắt bằng Schepens	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1701	Soi đáy mắt bằng Schepens
156	STT 1702 Chương III	Soi góc tiền phòng	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1702	Soi góc tiền phòng
157	STT 1703 Chương III	Cắt chỉ khâu da	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1703	Cắt chỉ khâu da
158	STT 1704 Chương III	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1704	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
159	STT 1705 Chương III	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1705	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
160	STT 1706 Chương III	Lấy dị vật kết mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1706	Lấy dị vật kết mạc
161	STT 1707 Chương III	Khám mắt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.1707	Khám mắt
162	STT 2077 Chương III	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2077	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt

163	STT 2379 Chương III	Test lấy da với các dị nguyên	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2379	Test lấy da với các dị nguyên
164	STT 2382 Chương III	Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2382	Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc
165	STT 2387 Chương III	Tiêm trong da	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2387	Tiêm trong da
166	STT 2388 Chương III	Tiêm dưới da	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2388	Tiêm dưới da
167	STT 2389 Chương III	Tiêm bắp thịt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2389	Tiêm bắp thịt
168	STT 2390 Chương III	Tiêm tĩnh mạch	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2390	Tiêm tĩnh mạch
169	STT 2391 Chương III	Truyền tĩnh mạch	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2391	Truyền tĩnh mạch
170	STT 2535 Chương III	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2535	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm
171	STT 2536 Chương III	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2536	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm
172	STT 2543 Chương III	Cắt u mi cả bề dày không vá	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2543	Cắt u mi cả bề dày không vá
173	STT 2544 Chương III	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2544	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da

174	STT 2545 Chương III	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2545	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
175	STT 2546 Chương III	Cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2546	Cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình
176	STT 2547 Chương III	Cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2547	Cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình
177	STT 2548 Chương III	Cắt u kết mạc, giác mạc không vấ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2548	Cắt u kết mạc, giác mạc không vấ
178	STT 2549 Chương III	Cắt u kết mạc không vấ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2549	Cắt u kết mạc không vấ
179	STT 2550 Chương III	Cắt u kết mạc, giác mạc cú ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2550	Cắt u kết mạc, giác mạc cú ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc
180	STT 2551 Chương III	Cắt u tiền phòng	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2551	Cắt u tiền phòng
181	STT 2816 Chương III	Điều trị giảm đau không dùng thuốc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2816	Điều trị giảm đau không dùng thuốc
182	STT 2911 Chương III	Phẫu thuật rút ngắn, gấp cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2911	Phẫu thuật rút ngắn, gấp cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
183	STT 2912 Chương III	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2912	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi
184	STT 2913 Chương III	Phẫu thuật chuyển gân điều trị hờ mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2913	Phẫu thuật chuyển gân điều trị hờ mi

185	STT 2914 Chương III	Phẫu thuật điều trị hở mí	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2914	Phẫu thuật điều trị hở mí
186	STT 2915 Chương III	Phẫu thuật chuyển gân điều trị trẻ mí	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2915	Phẫu thuật chuyển gân điều trị trẻ mí
187	STT 2916 Chương III	Phẫu thuật điều trị trẻ mí dưới	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2916	Phẫu thuật điều trị trẻ mí dưới
188	STT 2917 Chương III	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2917	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả
189	STT 2918 Chương III	Mắt giả trong bộ phận giả tái tạo khuyết hồng hàm mặt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2918	Mắt giả trong bộ phận giả tái tạo khuyết hồng hàm mặt
190	STT 2919 Chương III	Phẫu thuật tạo hình mí mắt toàn bộ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2919	Phẫu thuật tạo hình mí mắt toàn bộ
191	STT 2920 Chương III	Phẫu thuật tạo hình mí mắt từng phần	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2920	Phẫu thuật tạo hình mí mắt từng phần
192	STT 3921 Chương III	Phẫu thuật tạo hình mí mắt kết hợp các bộ phận xung quanh	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2921	Phẫu thuật tạo hình mí mắt kết hợp các bộ phận xung quanh
193	STT 2922 Chương III	Phẫu thuật tạo hình mắt 1 mí thành 2 mí	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2922	Phẫu thuật tạo hình mắt 1 mí thành 2 mí
194	STT 2923 Chương III	Phẫu thuật cắt bỏ da thừa mí mắt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2923	Phẫu thuật cắt bỏ da thừa mí mắt
195	STT 2999 Chương III	Chăm sóc da điều trị bệnh da	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	3.2999	Chăm sóc da điều trị bệnh da

196	STT 3031 Chương III	Chích rạch áp xe nhỏ	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.3031	Trích rạch áp xe nhỏ
197	STT 3083 Chương III	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.3083	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu
198	STT 3821 Chương III	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.3821	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản
199	STT 3826 Chương III	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.3826	Thay băng, cắt chỉ vết mổ
200	S TT 3827 Chương III	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.3827	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm
201	STT 3909 Chương III	Chích rạch áp xe nhỏ	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.3909	Trích rạch áp xe nhỏ
202	STT 3910 Chương III	Chích hạch viêm mủ	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.3910	Trích hạch viêm mủ
203	STT 3911 Chương III	Thay băng, cắt chỉ	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.3911	Thay băng, cắt chỉ
204	STT 3924 Chương III	Cắt lọc tổ chức hoại tử	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	3.3924	Cắt lọc tổ chức hoại tử
205	STT 225 Chương VII	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	7.225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường
206	STT 226 Chương VII	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	7.226	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người

		bệnh đái tháo đường			bệnh đái tháo đường
207	STT 227 Chương VII	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ¼ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	7.227	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ¼ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường
208	STT 228 Chương VII	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ½ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	7.228	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ½ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường
209	STT 229 Chương VII	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng lan tỏa cả bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	7.229	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng lan tỏa cả bàn chân trên người bệnh đái tháo đường
210	STT 230 Chương VII	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	7.230	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường
211	STT 233 Chương VII	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	7.233	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường
212	STT 234 Chương VII	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	7.234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường
213	STT 239 Chương VII	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	7.239	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
214	STT 240 Chương VII	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	7.240	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân

215	STT 241 Chương VII	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	7.241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện
216	STT 115 Chương IX	Hạ thân nhiệt chỉ huy	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	9.115	Hạ thân nhiệt chỉ huy
217	STT 139 Chương IX	Nâng thân nhiệt chỉ huy	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	9.139	Nâng thân nhiệt chỉ huy
218	STT 141 Chương IX	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	9.141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch
219	STT 142 Chương IX	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	9.142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
220	STT 150 Chương IX	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	9.150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu
221	STT 171 Chương IX	Theo dõi khí máu tại chỗ	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	9.171	Theo dõi khí máu tại chỗ
222	STT 183 Chương IX	Thở oxy gọng kính	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	9.183	Thở oxy gọng kính
223	STT 184 Chương IX	Thở oxy qua mặt nạ	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	9.184	Thở oxy qua mặt nạ
224	STT 185 Chương IX	Thở oxy qua mũi kín	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	9.185	Thở oxy qua mũi kín
225	STT 186 Chương IX	Thở oxy qua ống chữ T	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	9.186	Thở oxy qua ống chữ T

226	STT 197 Chương IX	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.197	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui
227	STT 200 Chương IX	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.200	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện
228	STT 201 Chương IX	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện
229	STT 202 Chương IX	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.202	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức
230	STT 205 Chương IX	Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.205	Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường
231	STT 2029 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2029	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình
232	STT 2030 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2030	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình
233	STT 2057 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật chỉnh , xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2057	Hồi sức phẫu thuật chỉnh , xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
234	STT 2101 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản – ống lệ mũi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2101	Hồi sức phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản – ống lệ mũi
235	STT 2102 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2102	Hồi sức phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm
236	STT 2103 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2103	Hồi sức phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)

237	STT 2110 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2110	Hồi sức phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
238	STT 2111 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2111	Hồi sức phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm
239	STT 2133 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2133	Hồi sức phẫu thuật điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser
240	STT 2138 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bề (Trabeculoplasty)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2138	Hồi sức phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bề (Trabeculoplasty)
241	STT 2155 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2155	Hồi sức phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)
242	STT 2157 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2157	Hồi sức phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép
243	STT 2158 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật điều trị một số bệnh vồng mạc bằng laser (bệnh vồng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2158	Hồi sức phẫu thuật điều trị một số bệnh vồng mạc bằng laser (bệnh vồng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)
244	STT 2164 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật điều trị sẹo giác mạc bằng laser	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2164	Hồi sức phẫu thuật điều trị sẹo giác mạc bằng laser
245	STT 2247 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2247	Hồi sức phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ
246	STT 2263 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2263	Hồi sức phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi

247	STT 2273 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật ghép da hay vật da điều trị hờ mi do sẹo	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2273	Hồi sức phẫu thuật ghép da hay vật da điều trị hờ mi do sẹo
248	STT 2285 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2285	Hồi sức phẫu thuật ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc
249	STT 2286 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2286	Hồi sức phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu
250	STT 2302 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gàn mù	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2302	Hồi sức phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gàn mù
251	STT 2303 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2303	
252	STT 2304 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2304	Hồi sức phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần
253	STT 2306 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi ...)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2306	Hồi sức phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi ...)
254	STT 2312 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật hẹp khe mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2312	Hồi sức phẫu thuật hẹp khe mi
255	STT 2316 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2316	Hồi sức phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mi
256	STT 2317 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật khâu da thì II	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2317	Hồi sức phẫu thuật khâu da thì II
257	STT2436 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lác có chỉnh chỉ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2436	Hồi sức phẫu thuật lác có chỉnh chỉ

258	STT 2437 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lác người lớn	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2437	Hồi sức phẫu thuật lác người lớn
259	STT 2438 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden...)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2438	Hồi sức phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden...)
260	STT 2439 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lác thông thường	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2439	Hồi sức phẫu thuật lác thông thường
261	STT 2447 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2447	Hồi sức phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII
262	STT 2450 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lạnh đông điều trị K võng mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2450	Hồi sức phẫu thuật lạnh đông điều trị K võng mạc
263	STT 2453 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2453	Hồi sức phẫu thuật laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt
264	STT 2458 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật laser mở bao sau đục	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2458	Hồi sức phẫu thuật laser mở bao sau đục
265	STT 2464 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2464	Hồi sức phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi
266	STT 2466 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2466	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu
267	STT 2467 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2467	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt
268	STT 2468 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2468	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm

269	STT 2473 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2473	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng
270	STT 2474 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật trong củng mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2474	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật trong củng mạc
271	STT 2490 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2490	Hồi sức phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi
272	STT 2514 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2514	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
273	STT 2515 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2515	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL
274	STT 2516 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2516	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL
275	STT 2517 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2517	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
276	STT 2518 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt thể thủy tinh nhân tạo trên mắt độc nhất	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2518	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt thể thủy tinh nhân tạo trên mắt độc nhất
277	STT 2542 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật mở bao sau	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2542	Hồi sức phẫu thuật mở bao sau

278	STT 2543 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật mở bao sau đục bằng laser	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2543	Hồi sức phẫu thuật mở bao sau đục bằng laser
279	STT 2544 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật mở bề có hoặc không cắt bề	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2544	Hồi sức phẫu thuật mở bề có hoặc không cắt bề
280	STT 2566 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật mở rộng điểm lệ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2566	Hồi sức phẫu thuật mở rộng điểm lệ
281	STT 2567 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật mở rộng khe mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2567	Hồi sức phẫu thuật mở rộng khe mi
282	STT 2576 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2576	Hồi sức phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
283	STT 2577 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2577	Hồi sức phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học
284	STT 2578 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật mộng đơn thuần	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2578	Hồi sức phẫu thuật mộng đơn thuần
285	STT2579 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật mức nội nhãn	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2579	Hồi sức phẫu thuật mức nội nhãn
286	STT 2588 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.2588	Hồi sức phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ
287	STT 3024 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật quặm bẩm sinh	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3024	Hồi sức phẫu thuật quặm bẩm sinh

288	STT 3030 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật vả da tạo hình mí	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3030	Hồi sức phẫu thuật vả da tạo hình mí
289	STT 3031 Chương IX	Hồi sức phẫu thuật vả da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mí cầu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3031	Hồi sức phẫu thuật vả da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mí cầu
290	STT 3042 Chương IX	Gây tê áp lạnh điều trị u máu mí, kết mạc, hốc mắt trẻ em	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3042	Gây tê áp lạnh điều trị u máu mí, kết mạc, hốc mắt trẻ em
291	STT 3045 Chương IX	Gây tê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3045	Gây tê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ
292	STT 3086 Chương IX	Gây tê phẫu thuật bảo tồn	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3086	Gây tê phẫu thuật bảo tồn
293	STT 3150 Chương IX	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3150	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm
294	STT 3152 Chương IX	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3152	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm
295	STT 3159 Chương IX	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mí điều trị hở mí	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3159	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mí điều trị hở mí
296	STT 3160 Chương IX	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3160	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller
297	STT 3165 Chương IX	Gây tê phẫu thuật cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3165	Gây tê phẫu thuật cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
298	STT 3189 Chương IX	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3189	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm

299	STT 3199 Chương IX	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3199	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể
300	STT 3348 Chương IX	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3348	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm
301	STT 3364 Chương IX	Gây tê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3364	Gây tê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm
302	STT 3366 Chương IX	Gây tê phẫu thuật cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3366	Gây tê phẫu thuật cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm
303	STT 3379 Chương IX	Gây tê phẫu thuật cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3379	Gây tê phẫu thuật cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da
304	STT 3380 Chương IX	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3380	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm
305	STT 3477 Chương IX	Gây tê phẫu thuật cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3477	Gây tê phẫu thuật cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới
306	STT 3480 Chương IX	Gây tê phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3480	Gây tê phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính
307	STT 3501 Chương IX	Gây tê phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3501	Gây tê phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
308	STT 3503 Chương IX	Gây tê phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản – ống lệ mũi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3503	Gây tê phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản – ống lệ mũi
309	STT 3504 Chương IX	Gây tê phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3504	Gây tê phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm

310	STT 3505 Chương IX	Gây tê phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3505	Gây tê phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)
311	STT 3513 Chương IX	Gây tê phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3513	Gây tê phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm
312	STT 3516 Chương IX	Gây tê phẫu thuật di thực hàng lông mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3516	Gây tê phẫu thuật di thực hàng lông mi
313	STT 3535 Chương IX	Gây tê phẫu thuật điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3535	Gây tê phẫu thuật điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser
314	STT 3540 Chương IX	Gây tê phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3540	Gây tê phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)
315	STT 3557 Chương IX	Gây tê phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3557	Gây tê phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)
316	STT 3558 Chương IX	Gây tê phẫu thuật điều trị laser hồng ngoại	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3558	Gây tê phẫu thuật điều trị laser hồng ngoại
317	STT 3566 Chương IX	Gây tê phẫu thuật điều trị sẹo giác mạc bằng laser	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3566	Gây tê phẫu thuật điều trị sẹo giác mạc bằng laser
318	STT 3622 Chương IX	Gây tê phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3622	Gây tê phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt
319	STT 3627 Chương IX	Gây tê phẫu thuật Doenig	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3627	Gây tê phẫu thuật Doenig

320	STT 3649 Chương IX	Gây tê phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3649	Gây tê phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ
321	STT 3665 Chương IX	Gây tê phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3665	Gây tê phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
322	STT 3669 Chương IX	Gây tê phẫu thuật ghép củng mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3669	Gây tê phẫu thuật ghép củng mạc
323	STT 3687 Chương IX	Gây tê phẫu thuật ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3687	Gây tê phẫu thuật ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc
324	STT 3688 Chương IX	Gây tê phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3688	Gây tê phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu
325	STT 3704 Chương IX	Gây tê phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt đục nhất, gàn mù	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3704	Gây tê phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt đục nhất, gàn mù
326	STT 3838 Chương IX	Gây tê phẫu thuật lác có chỉnh chỉ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3838	Gây tê phẫu thuật lác có chỉnh chỉ
327	STT 3839 Chương IX	Gây tê phẫu thuật lác người lớn	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3839	Gây tê phẫu thuật lác người lớn
328	STT 3840 Chương IX	Gây tê phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden...)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3840	Gây tê phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden...)
329	STT 3855 Chương IX	Gây tê phẫu thuật laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3855	Gây tê phẫu thuật laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt
330	STT 3887 Chương IX	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3887	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm

331	STT 3895 Chương IX	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3895	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt
332	STT 3934 Chương IX	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3934	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL
333	STT 3959 Chương IX	Gây tê phẫu thuật miless	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3959	Gây tê phẫu thuật miless
334	STT 3962 Chương IX	Gây tê phẫu thuật mở bè có hoặc không cắt bè	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3962	Gây tê phẫu thuật mở bè có hoặc không cắt bè
335	STT 3973 Chương IX	Gây tê phẫu thuật mở góc tiền phòng	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3973	Gây tê phẫu thuật mở góc tiền phòng
336	STT 3984 Chương IX	Gây tê phẫu thuật mở rộng điểm lệ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.3984	Gây tê phẫu thuật mở rộng điểm lệ
337	STT 4006 Chương IX	Gây tê phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.4006	Gây tê phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ
338	STT 4460 Chương IX	An thần bệnh nhân khi chụp hình ở khoa chẩn đoán hình ảnh	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.4460	An thần bệnh nhân khi chụp hình ở khoa chẩn đoán hình ảnh
339	STT 4466 Chương IX	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi sức	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.4466	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi sức
340	STT 4467 Chương IX	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi tỉnh	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	9.4467	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi tỉnh

341	STT 32 Chương X	Phẫu thuật nhiễm khuẩn vết mổ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	10.32	Phẫu thuật nhiễm khuẩn vết mổ
342	STT 38 Chương X	Phẫu thuật xử lý nhiễm khuẩn vết mổ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	10.38	Phẫu thuật xử lý nhiễm khuẩn vết mổ
343	STT 954 Chương X	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	10.954	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu
344	STT 79 Chương XI	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	11.79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt
345	STT 80 Chương XI	Xử lý tại chỗ ki đầu tổn thương bỏng	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	11.80	Xử lý tại chỗ ki đầu tổn thương bỏng
346	STT 81 Chương XI	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	11.81	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng
347	STT 82 Chương XI	Sơ cấp cứu bỏng acid	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	11.82	Sơ cấp cứu bỏng acid
348	STT 83 Chương XI	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	11.83	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện
349	STT 89 Chương XI	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	11.89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng
350	STT 90 Chương XI	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bỏng	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	11.90	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bỏng
351	STT 116 Chương XI	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	11.116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính

352	97 Chương XII	Cắt u mi cả bề dày không vá	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	12.97	Cắt u mi cả bề dày không vá
353	STT 98 Chương XII	Cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vật da	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	12.98	Cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vật da
354	STT 101 Chương XII	Cắt u da mi có trượt lông mi, vật da, hay ghép da	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	12.101	Cắt u da mi có trượt lông mi, vật da, hay ghép da
355	STT 102 Chương XII	Cắt u da mi có trượt lông mi, vật da, hay ghép da	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	12.102	Cắt u da mi có trượt lông mi, vật da, hay ghép da
356	STT 105 Chương XII	Cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	12.105	Cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình
357	STT 106 Chương XII	Cắt u kết mạc, giác mạc không vó	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	12.106	Cắt u kết mạc, giác mạc không vó
358	STT 107 Chương XII	Cắt u kết mạc không vá	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	12.107	Cắt u kết mạc không vá
359	STT 108 Chương XII	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ôi hoặc giác mạc	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	12.108	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ôi hoặc giác mạc
360	STT 51 Chương XV	Khâu vết rách vành tai	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	15.51	Khâu vết rách vành tai
361	STT 57 Chương XV	Chích nhọt ống tai ngoài	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	15.57	Chích nhọt ống tai ngoài
362	STT 58 Chương XV	Làm thuốc tai	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	15.58	Làm thuốc tai

363	STT 59 Chương XV	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	15.59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài
364	STT 301 Chương XV	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	15.301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
365	STT 302 Chương XV	Cắt chỉ sau phẫu thuật	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	15.302	Cắt chỉ sau phẫu thuật
366	STT 303 Chương XV	Thay băng vết mổ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	15.303	Thay băng vết mổ
367	STT 304 Chương XV	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	15.304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
368	STT 301 Chương XVI	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	16.301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
369	STT 6 Chương XVIII	Siêu âm hốc mắt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	18.6	Siêu âm hốc mắt
370	STT 8 Chương XVIII	Siêu âm nhãn cầu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	18.8	Siêu âm nhãn cầu
371	STT 67 Chương XVIII	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	18.67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng
372	STT 68 Chương XVIII	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	18.68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng
373	STT 71 Chương XVIII	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	18.71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng

374	STT137 Chương XVIII	Chụp Xquang tuyến lệ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	18.137	Chụp Xquang tuyến lệ
375	STT 13 Chương XXI	Nghiệm pháp dây thắt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	21.13	Nghiệm pháp dây thắt
376	STT 70 Chương XXI	Điện võng mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	21.70	Điện võng mạc
377	STT 71 Chương XXI	Đo độ dày giác mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	21.71	Đo độ dày giác mạc
378	STT 72 Chương XXI	Đếm tế bào nội mô giác mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	21.72	Đếm tế bào nội mô giác mạc
379	STT 73 Chương XXI	Đo bản đồ giác mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	21.73	Đo bản đồ giác mạc
380	STT 74 Chương XXI	Siêu âm A/B	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	21.74	Siêu âm A/B
381	STT 75 Chương XXI	Đo biên độ điều tiết	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	21.75	Đo biên độ điều tiết
382	STT 76 Chương XXI	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	21.76	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel
383	STT 77 Chương XXI	Test thử cảm giác giác mạc	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	21.77	Test thử cảm giác giác mạc
384	STT 78 Chương XXI	Test phát hiện khô mắt	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	21.78	Test phát hiện khô mắt

385	STT 79 Chương XXI	Nghiệm pháp phát hiện glocom	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	21.79	Nghiệm pháp phát hiện glocom
386	STT 80 Chương XXI	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	21.80	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm
387	STT 81 Chương XXI	Đo thị trường chu biên	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	21.81	Đo thị trường chu biên
388	STT 82 Chương XXI	Đo sắc giác	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	21.82	Đo sắc giác
389	STT 83 Chương XXI	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	21.83	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)
390	STT 84 Chương XXI	Đo khúc xạ máy	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	21.84	Đo khúc xạ máy
391	STT 85 Chương XXI	Đo khúc xạ giác mạc Javal	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	21.85	Đo khúc xạ giác mạc Javal
392	STT 86 Chương XXI	Thử kính	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	21.86	Thử kính
393	STT 87 Chương XXI	Đo độ lác	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	21.87	Đo độ lác
394	STT 88 Chương XXI	Xác định sơ đồ song thị	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	21.88	Xác định sơ đồ song thị
395	STT 89 Chương XXI	Đo độ sâu tiền phòng	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	21.89	Đo độ sâu tiền phòng

396	STT 90 Chương XXI	Đo đường kính giác mạc	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	21.90	Đo đường kính giác mạc
397	STT 91 Chương XXI	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	21.91	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm
398	STT 92 Chương XXI	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	21.92	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)
399	STT 93 Chương XXI	Đo thị lực	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	21.93	Đo thị lực
400	STT 20 Chương XXII	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy
401	STT 22 Chương XXII	Nghiệm pháp dây thắt	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.22	Nghiệm pháp dây thắt
402	STT 79 Chương XXII	Định lượng Acid Folic	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.79	Định lượng Acid Folic
403	STT 92 Chương XXII	Đo huyết sắc tố niệu	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.92	Đo huyết sắc tố niệu
404	STT 118 Chương XXII	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)
405	STT 119 Chương XXII	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)
406	STT 122 Chương XXII	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng hệ thống tự động hoàn toàn (có nhuộm tiêu bản tự động)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.122	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng hệ thống tự động hoàn toàn (có nhuộm tiêu bản tự động)

407	STT 142 Chương XXII	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)
408	STT 143 Chương XXII	Máu lắng (bằng máy tự động)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.143	Máu lắng (bằng máy tự động)
409	STT 149 Chương XXII	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.149	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)
410	STT 150 Chương XXII	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.150	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)
411	STT 277 Chương XXII	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.277	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
412	STT 278 Chương XXII	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.278	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
413	STT 279 Chương XXII	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.279	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)
414	STT 280 Chương XXII	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)
415	STT 283 Chương XXII	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.283	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)
416	STT 284 Chương XXII	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.284	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)
417	STT 285 Chương XXII	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.285	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu

418	STT 286 Chương XXII	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.286	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương
419	STT 287 Chương XXII	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.287	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu
420	STT 288 Chương XXII	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.288	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương
421	STT 289 Chương XXII	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.289	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)
422	STT 290 Chương XXII	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.290	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)
423	STT 291 Chương XXII	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.291	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)
424	STT 292 Chương XXII	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)
425	STT 456 Chương XXII	Xét nghiệm nhanh HBsAg trước hiến máu đối với người hiến máu	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.456	Xét nghiệm nhanh HBsAg trước hiến máu đối với người hiến máu
426	STT 499 Chương XXII	Rút máu để điều trị	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.499	Rút máu để điều trị

427	STT 501 Chương XXII	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.501	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)
428	STT 502 Chương XXII	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.502	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu
429	STT 506 Chương XXII	Trao đổi huyết tương điều trị	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	22.506	Trao đổi huyết tương điều trị
430	STT 7 Chương XXIII	Định lượng Albumin	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.7	Định lượng Albumin
431	STT 11 Chương XXIII	Định lượng Amoniac (NH3)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.11	Định lượng Amoniac (NH3)
432	STT 25 Chương XXIII	Định lượng Bilirubin trực tiếp	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.25	Định lượng Bilirubin trực tiếp
433	STT 26 Chương XXIII	Định lượng Bilirubin gián tiếp	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.26	Định lượng Bilirubin gián tiếp
434	STT 27 Chương XXIII	Định lượng Bilirubin toàn phần	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.27	Định lượng Bilirubin toàn phần
435	STT 29 Chương XXIII	Định lượng Calci toàn phần	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.29	Định lượng Calci toàn phần
436	STT 30 Chương XXIII	Định lượng Calci ion hóa	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.30	Định lượng Calci ion hóa
437	STT 42 Chương XXIII	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.42	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)

438	STT 43 Chương XXIII	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.43	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)
439	STT 58 Chương XXIII	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)
440	STT 67 Chương XXIII	Định lượng Folate	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.67	Định lượng Folate
441	STT 76 Chương XXIII	Định lượng Globulin	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.76	Định lượng Globulin
442	STT 81 Chương XXIII	Định lượng HBsAg (HBsAg Quantitative) (CMIA / ECLIA)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.81	Định lượng HBsAg (HBsAg Quantitative) (CMIA / ECLIA)
443	STT 98 Chương XXIII	Định lượng Insulin	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.98	Định lượng Insulin
444	STT 104 Chương XXIII	Định lượng Lactat (Acid Lactic)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.104	Định lượng Lactat (Acid Lactic)
445	STT 172 Chương XXIII	Điện giải niệu (Na, K, Cl)	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.172	Điện giải niệu (Na, K, Cl)
446	STT 176 Chương XXIII	Định lượng Axit Uric niệu	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.176	Định lượng Axit Uric niệu
447	STT 180 Chương XXIII	Định lượng Canxi niệu	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.180	Định lượng Canxi niệu
448	STT 184 Chương XXIII	Định lượng Creatinin niệu	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.184	Định lượng Creatinin niệu

449	STT 185 Chương XXIII	Định lượng Dưỡng chấp niệu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	23.185	Định lượng Dưỡng chấp niệu
450	STT 187 Chương XXIII	Định lượng Glucose niệu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	23.187	Định lượng Glucose niệu
451	STT 193 Chương XXIII	Định tính Opiate niệu (test nhanh)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	23.193	Định tính Opiate niệu (test nhanh)
452	STT 194 Chương XXIII	Định tính Morphin niệu (test nhanh)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	23.194	Định tính Morphin niệu (test nhanh)
453	STT 195 Chương XXIII	Định tính Codein niệu (test nhanh)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	23.195	Định tính Codein niệu (test nhanh)
454	STT 196 Chương XXIII	Định tính Heroin niệu (test nhanh)	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	23.196	Định tính Heroin niệu (test nhanh)
455	STT 197 Chương XXIII	Định lượng Phospho niệu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	23.197	Định lượng Phospho niệu
456	STT 198 Chương XXIII	Định tính Phospho hữu cơ niệu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	23.198	Định tính Phospho hữu cơ niệu
457	Chương XXIII 199 Chương XXIII	Định tính Porphyrin niệu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	23.199	Định tính Porphyrin niệu
458	STT 201 Chương XXIII	Định lượng Protein niệu	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	23.201	Định lượng Protein niệu
459	STT 202 Chương XXIII	Định tính Protein niệu Bence -jones	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	23.202	Định tính Protein niệu Bence -jones

460	STT 205 Chương XXIII	Định lượng Ure niệu	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	23.205	Định lượng Ure niệu
461	STT 3 Chương XXIV	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.3	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường
462	STT 17 Chương XXIV	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.17	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen
463	STT 18 Chương XXIV	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.18	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang
464	STT 21 Chương XXIV	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> Mantoux	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.21	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> Mantoux
465	STT 28 Chương XXIV	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> định danh và kháng RMP Xpert	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.28	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> định danh và kháng RMP Xpert
466	STT 39 Chương XXIV	<i>Mycobacterium leprae</i> nhuộm soi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.39	<i>Mycobacterium leprae</i> nhuộm soi
467	STT 42 Chương XXIV	<i>Vibrio cholerae</i> soi tươi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.42	<i>Vibrio cholerae</i> soi tươi
468	STT 43 Chương XXIV	<i>Vibrio cholerae</i> nhuộm soi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.43	<i>Vibrio cholerae</i> nhuộm soi
469	STT 267 Chương XXIV	Trứng giun, sán soi tươi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.267	Trứng giun, sán soi tươi
470	STT 268 Chương XXIV	Trứng giun soi tập trung	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.268	Trứng giun soi tập trung

471	STT 269 Chương XXIV	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.269	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) ấu trùng soi tươi
472	STT 308 Chương XXIV	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) nhuộm soi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.308	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) nhuộm soi
473	STT 309 Chương XXIV	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghẻ) soi tươi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.309	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghẻ) soi tươi
474	STT 310 Chương XXIV	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghẻ) nhuộm soi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.310	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghẻ) nhuộm soi
475	STT 311 Chương XXIV	<i>Cysticercus cellulosae</i> (Sán lợn) ấu trùng soi mảnh sinh thiết	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.311	<i>Cysticercus cellulosae</i> (Sán lợn) ấu trùng soi mảnh sinh thiết
476	STT 312 Chương XXIV	<i>Gnathostoma</i> ấu trùng soi mảnh sinh thiết	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.312	<i>Gnathostoma</i> ấu trùng soi mảnh sinh thiết
477	STT 313 Chương XXIV	<i>Pneumocystis jirovecii</i> nhuộm soi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.313	<i>Pneumocystis jirovecii</i> nhuộm soi
478	STT 314 Chương XXIV	<i>Taenia</i> (Sán dây) soi tươi định danh	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.314	<i>Taenia</i> (Sán dây) soi tươi định danh
479	STT 315 Chương XXIV	<i>Toxocara</i> (Giun đũa chó, mèo) soi mảnh sinh thiết	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.315	<i>Toxocara</i> (Giun đũa chó, mèo) soi mảnh sinh thiết
480	STT 316 Chương XXIV	<i>Trichinella spiralis</i> (Giun xoắn) soi mảnh sinh thiết	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.316	<i>Trichinella spiralis</i> (Giun xoắn) soi mảnh sinh thiết
481	STT 317 Chương XXIV	<i>Trichomonas vaginalis</i> soi tươi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.317	<i>Trichomonas vaginalis</i> soi tươi

482	STT 318 Chương XXIV	<i>Trichomonas vaginalis</i> nhuộm soi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	24.318	<i>Trichomonas vaginalis</i> nhuộm soi
483	STT 1 Chương XXVIII	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	28.1	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc
484	STT 2 Chương XXVIII	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	28.2	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán
485	STT 33 Chương XXVIII	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	28.33	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt
486	STT 34 Chương XXVIII	Khâu da mi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	28.34	Khâu da mi
487	STT 35 Chương XXVIII	Khâu phục hồi bờ mi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	28.35	Khâu phục hồi bờ mi
488	STT 43 Chương XXVIII	Phẫu thuật rút ngắn, gấp cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	28.43	Phẫu thuật rút ngắn, gấp cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
489	STT 44 Chương XXVIII	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	28.44	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi
490	STT 45 Chương XXVIII	Phẫu thuật hạ mi trên	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	28.45	Phẫu thuật hạ mi trên
491	STT 46 Chương XXVIII	Kéo dài cân cơ nâng mi	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	28.46	Kéo dài cân cơ nâng mi
492	STT 49 Chương XXVIII	Ghép da mi hay vật da điều trị lật mi dưới do sẹo	1172/QĐ-SYT ngày 04/06/2014	28.49	Ghép da mi hay vật da điều trị lật mi dưới do sẹo

493	STT 52 Chương XXVIII	Phẫu thuật mở rộng khe mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	28.52	Phẫu thuật mở rộng khe mi
494	STT 53 Chương XXVIII	Phẫu thuật hẹp khe mi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	28.53	Phẫu thuật hẹp khe mi
495	STT 55 Chương XXVIII	Phẫu thuật điều trị trễ mi dưới	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	28.55	Phẫu thuật điều trị trễ mi dưới
496	STT 56 Chương XXVIII	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	28.56	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả
497	STT 83 Chương XXVIII	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	28.83	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi
498	STT 110 Chương XXVIII	Khâu vết thương vùng môi	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	28.110	Khâu vết thương vùng môi
499	STT 136 Chương XXVIII	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	28.136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai
500	STT 137 Chương XXVIII	Khâu cắt lọc vết thương vành tai	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	28.137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai
501	STT 161 Chương XXVIII	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	28.161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ
502	STT 162 Chương XXVIII	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	28.162	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức
503	STT 410 Chương XXVIII	Phẫu thuật cấy, ghép lông mày	1172/QĐ- SYT ngày 04/06/2014	28.410	Phẫu thuật cấy, ghép lông mày

Tổng số: 503 Danh mục kỹ thuật